

# THỰC TRẠNG VÀ CHẤT LƯỢNG PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP Ở BẬC ĐẠI HỌC TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI DOANH NGHIỆP

*STUDY ON INFLUENCE OF EMPLOYABILITY SKILL IN UNIVERSITY ON  
RELATIONSHIP WITH ENTERPRISES*

*ĐOÀN HUỆ DUNG<sup>(\*)</sup> và LÊ THỊ TUYẾT MAI<sup>(\*\*)</sup>*

**TÓM TẮT:** Hiện nay, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đại học thất nghiệp gia tăng mỗi năm. Giáo dục đại học đang đối mặt với việc nâng cao chất lượng đào tạo và giảm tỷ lệ thất nghiệp cho sinh viên sau khi ra trường. Một trong những nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp ở sinh viên là do thiếu kỹ năng nghề nghiệp. Kết quả nghiên cứu về kỹ năng nghề nghiệp được tiến hành tại Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh mới đây cho thấy doanh nghiệp và sinh viên đánh giá cao vai trò của kỹ năng nghề nghiệp. Tuy nhiên, hình thức đào tạo kỹ năng nghề nghiệp của nhà trường hiện nay chưa phong phú và chưa phù hợp, dẫn đến chất lượng đào tạo kỹ năng nghề nghiệp của nhà trường chưa cao.

**Từ khóa:** kỹ năng nghề nghiệp, chất lượng đào tạo, sinh viên, doanh nghiệp.

**ABSTRACT:** Currently, the unemployment rate of student graduated from universities has increased every year. Higher education presently faces the constrains of cutting down on student intakes on one hand and improving the qualities of graduates on the other hand. Deficiency in employability skills is one of the reasons that make students unemployed. Based on an experimental study carried out at Nong Lam University Ho Chi Minh City (formerly University of Agriculture and Forestry), the research describes how employability skills have been perceived by students and enterprises. However, the current employability skill's training system of University is not various and insufficient, it makes the quality of the training is not as good as expected.

**Key words:** employability skills, training quality, student, enterprise.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xã hội phát triển và đang trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, mục tiêu đào tạo của các trường nhằm tạo ra nguồn lao động chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp không chỉ về

kiến thức chuyên môn mà còn hướng đến cả về kỹ năng, thái độ, đạo đức nghề nghiệp. Trong đó, kỹ năng nghề nghiệp là một trong những vấn đề cần được nhà trường chú trọng. “Kỹ năng nghề nghiệp” vẫn còn là khái niệm mới ở Việt Nam và

(\*) TS. Trường Đại học Nông Lâm, Email: doanhuedung@gmail.com

(\*\*) ThS. Trường Đại học Nông Lâm, Email: lttmai@hcmuaf.edu.vn

thường bị nhầm lẫn với các loại kỹ năng khác.

Theo nghiên cứu “*Thực trạng thị trường lao động năm 2010 – 2014, dự báo nhu cầu nhân lực giai đoạn 2015 - 2020 đến 2025 tại Thành phố Hồ Chí Minh*” của Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 1 năm 2015, nhận định nguyên nhân thất nghiệp cốt lõi là vấn đề đào tạo nghề, kỹ năng nghề nghiệp, dự báo nhu cầu, phân bổ nguồn nhân lực và các chính sách thu hút, sử dụng nguồn lao động còn mất cân đối, chưa đáp ứng yêu cầu thực tế kinh tế – xã hội thành phố phát triển [1].

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về “*đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*” có nêu “*đối với giáo dục nghề nghiệp, tập trung đào tạo nhân lực có kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp. Hình thành hệ thống giáo dục nghề nghiệp với nhiều phương thức và trình độ đào tạo kỹ năng nghề nghiệp theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật công nghệ của thị trường lao động trong nước và quốc tế*” [2].

Việt Nam là một nước đang có sự phát triển nhanh về hiện đại hóa và chuyên nghiệp hóa trong nông nghiệp – công nghiệp. Sự cần thiết phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực kỹ thuật cao từ các trường cao đẳng, đại học là điều kiện cần thiết trong giai đoạn hiện nay và thời gian sắp đến. Kỹ năng nghề nghiệp cần được chú trọng và có phương pháp đào tạo thích hợp tại các cơ sở đào tạo.

Việc đề cao vai trò của kỹ năng nghề nghiệp xuất phát từ việc ngày nay nhà trường không còn là nơi duy nhất để chúng ta tiếp cận kiến thức, việc tiếp cận kiến thức được thông qua nhiều phương tiện như internet, sách, báo và các phương tiện thông tin đại chúng,... Tuy nhiên, ngoài kiến thức người học cần rèn luyện cho bản thân giá trị sống, một số kỹ năng cần thiết khi bước vào môi trường làm việc như: khả năng lập luận và sử dụng ngôn ngữ nói và viết, kỹ năng đánh giá và nhận xét tinh tế, có khả năng làm việc nhóm, biết cách giao tiếp, thương lượng và xử lý mâu thuẫn,... Từ biết đến hiểu, đến làm việc chuyên nghiệp với năng suất cao là một khoảng cách rất lớn, nhà trường không chỉ là nơi đào tạo kiến thức mà còn là môi trường giúp sinh viên trải nghiệm nhằm mang lại cho sinh viên những phẩm chất và kỹ năng đáp ứng đòi hỏi của xã hội. Nếu trước đây, xã hội yêu cầu cần có sự phân công lao động cụ thể cho từng cá nhân, chỗ tập thể, yêu cầu cần có sự chuyên môn hóa cao thì ngày nay xã hội yêu cầu cần có những giải pháp tổng thể mang tính thiết thực hơn bằng cách phối hợp giữa kiến thức và kỹ năng, lý thuyết và thực hành, giữa khả năng vận dụng, ứng biến linh hoạt vào trong công việc thực tế để từ đó người sử dụng lao động đánh giá dựa trên năng lực và hiệu quả mang tính linh hoạt của sinh viên. Việc xác định đầy đủ ý nghĩa và nội dung của kỹ năng nghề nghiệp giúp chúng ta định hướng được cách tiếp cận và học tập.

Kỹ năng nghề nghiệp là khả năng ứng dụng thành thạo tri thức và kỹ thuật, công nghệ mới trong quá trình lao động sản xuất; đồng thời có khả năng ứng biến linh hoạt

trong mọi hoàn cảnh, trong những biến đổi không ngừng của môi trường và điều kiện sống để lao động sáng tạo. Kỹ năng nghề nghiệp bao gồm kỹ năng chung áp dụng vào nghề nghiệp (kỹ năng mềm) và kỹ năng đặc thù nghề nghiệp (kỹ năng cứng). Như vậy, có thể coi kỹ năng nghề nghiệp là một loại kỹ năng tổng hợp.

Tác giả James W., định nghĩa kỹ năng mềm hay kỹ năng nghề nghiệp là một cách để mô tả các khả năng hay năng lực mà một người có thể mang đến cho tổ chức nơi họ làm việc [3].

Theo tác giả Hoàng Thị Tuyết, kỹ năng nghề nghiệp (kỹ năng hành nghề) là kỹ năng cần thiết không chỉ để có được việc làm mà còn để tiến bộ trong tổ chức thông qua việc phát huy tiềm năng cá nhân và đóng góp vào định hướng chiến lược của tổ chức [4].

Do đó, kỹ năng nghề nghiệp là một trong những nhóm kỹ năng quan trọng nhằm phát huy năng lực cá nhân và phát triển nghề nghiệp của sinh viên sau khi ra trường. Kỹ năng nghề nghiệp cần thiết không chỉ để có được việc làm mà còn để tiến bộ trong tổ chức thông qua việc phát huy tiềm năng cá nhân và đóng góp vào định hướng chiến lược của tổ chức với các điều kiện nhất định, dựa vào sự tích hợp nhuần nhuyễn giữa kỹ năng cứng và kỹ năng mềm. Sự phát triển kỹ năng nghề nghiệp cũng được xem xét trong một mối quan hệ mở.

Theo *Luật Phát triển kỹ năng nghề nghiệp* của Malaysia, kỹ năng được hiểu là khả năng được học và được thực hành để thực hiện thành thạo một nhiệm vụ hay một công việc [5]. Thuật ngữ kỹ năng nghề

NGHIỆP CÓ NGUỒN GỐC TỪ THUẬT NGỮ KỸ NĂNG (Skill), nhưng nội hàm được mở rộng theo hướng khả năng và năng lực thực hiện của con người. Theo quan niệm này, năng lực thực hiện được coi là sự *tích hợp nhuần nhuyễn của ba thành tố kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết để hoàn thành được từng công việc cụ thể của nghề, chứ không phải là sự tồn tại độc lập giữa chúng với nhau và ít liên quan đến công việc của nghề.*

Theo *Đạo luật TESDA 1994* của Philippines [6], *phát triển kỹ năng* là một quá trình, qua đó người học và người lao động được tiếp cận một cách có hệ thống với các cơ hội học tập để lĩnh hội hoặc bồi dưỡng, hoặc cả hai về kiến thức, kỹ năng và cách thức ứng xử cần có như là điều kiện tiêu chuẩn cần thiết của một công việc hoặc một loạt công việc trong một lĩnh vực ngành nghề.

Theo *Luật Khuyến khích phát triển kỹ năng nghề nghiệp Thái Lan* [7], phát triển kỹ năng có nghĩa là một quá trình cho phép học viên và những người trong độ tuổi lao động có được kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp, thái độ làm việc tốt bằng cách đào tạo và các hoạt động liên quan khác.

Ngoài ra, *Luật Phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động Hàn Quốc*, phát triển kỹ năng nghề nghiệp có nghĩa là hoạt động đào tạo cho người lao động để giúp cung cấp và cải thiện năng lực thực hiện cần thiết cho công việc của họ [8]. Phát triển kỹ năng nghề nghiệp nhằm phát triển các phương tiện và các khóa đào tạo phát triển kỹ năng nghề và tiến hành các cuộc điều tra hay nghiên cứu về phát triển kỹ năng nghề.

Bài viết của chúng tôi đề cập đến thực trạng và việc phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên tại Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh, một trong những đơn vị đào tạo cung cấp nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực nông nghiệp.

## 2. NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 468 sinh viên của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh và 21 doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng sinh viên của trường nhằm tìm hiểu thực trạng đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

Đề tài đã phối hợp các phương pháp nghiên cứu, trong đó phương pháp điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chính, các phương pháp nghiên cứu còn lại là các phương pháp bổ trợ.

## 3. KẾT QUẢ VÀ ĐÁNH GIÁ

Hiện nay, kỹ năng nghề nghiệp là vấn đề được quan tâm và chú trọng trong việc đào tạo nhằm giúp cá nhân làm phong phú thêm vốn sống, phát triển năng lực bản thân và dễ dàng hòa nhập cộng đồng trong bối cảnh Việt Nam đã gia nhập Cộng đồng Kinh tế (AEC).

### 3.1. Cơ hội làm việc sau khi tốt nghiệp

Theo kết quả khảo sát, 88,89% sinh viên (sau khi tốt nghiệp) đã có việc làm, 11,11% sinh viên chưa có việc làm (trong số này có 2,99% sinh viên chưa có việc làm vì đang học cao học).

Trong khi đó, theo báo cáo "*Thực trạng thị trường lao động năm 2010 – 2014, dự báo nhu cầu nhân lực giai đoạn*

*2015 – 2020 đến 2025 tại Thành phố Hồ Chí Minh*" của Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 1 năm 2015, cho biết khoảng 80% sinh viên sau khi tốt nghiệp tìm được việc làm, 20% tìm việc rất khó khăn hoặc không tìm được việc làm phải chuyển đổi ngành học hoặc làm những công việc thấp hơn trình độ đào tạo.

Trong tổng số sinh viên tìm việc làm, có 50% làm việc phù hợp năng lực và phát triển tốt, 50% làm việc trái ngành nghề, thu nhập thấp, việc làm chưa thực sự ổn định và có thể chuyển việc khác. Vấn đề kỹ năng mềm là yêu cầu mà nhiều sinh viên chưa đáp ứng được. Khảo sát tại Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh với kết quả, 48,56% sinh viên có ý định chuyển việc do nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân thiếu kỹ năng nghề nghiệp.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, 63,22% sinh viên đang làm đúng với ngành đào tạo, 36,78% sinh viên cho rằng, công việc của họ không đúng với ngành được đào tạo. Một trong những lý do sinh viên không tìm được việc làm đúng ngành là do thiếu những kỹ năng doanh nghiệp yêu cầu (20,43%).

Bên cạnh đó, khi khảo sát sinh viên về các kiến thức cần được nâng cao để đáp ứng yêu cầu công việc, 36,78% sinh viên cho rằng, cần nâng cao kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, 33,41% sinh viên cần nâng cao ngoại ngữ, 29,09% sinh viên cần nâng cao kiến thức chuyên môn. Do đó, mặc dù sinh viên đánh giá rất cao về mức độ hữu ích của kiến thức tại trường đối với công việc nhưng sinh viên cần nâng cao

thêm kiến thức chuyên môn nhằm đáp ứng nhu cầu chuyên sâu hơn của từng vị trí công việc. Đặc biệt, sinh viên cần phải nâng cao kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp. Do đó, cần chú trọng và đẩy mạnh công tác huấn luyện kỹ năng mềm và kỹ

năng nghề nghiệp cho sinh viên khi còn học tại trường.

Dựa trên nhu cầu nâng cao kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên, tiến hành khảo sát nhu cầu được đào tạo kỹ năng của sinh viên đối với một số kỹ năng sau đây:

**Bảng 1.** Ý kiến của sinh viên về kỹ năng cần đào tạo

Kỹ năng	Tỷ lệ %
Kỹ năng ngoại ngữ	76,68
Kỹ năng giao tiếp	68,51
Kỹ năng giải quyết vấn đề	66,11
Kỹ năng phân tích và đánh giá thông tin	53,85
Kỹ năng lập kế hoạch	51,68
Kỹ năng tư duy sáng tạo	44,23
Kỹ năng quản lý	43,75
Kỹ năng thuyết trình	40,38
Kỹ năng làm việc nhóm	39,66

(Nguồn: Lê Thị Tuyết Mai và cộng sự, 2016)

### 3.2. Yêu cầu từ doanh nghiệp

Kết quả khảo sát chỉ ra, 66.67% doanh nghiệp đánh giá khả năng thích ứng với công việc thực tế của sinh viên khi bắt đầu làm việc tại doanh nghiệp rất nhanh. Qua đánh giá tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên, kết quả chỉ ra, doanh nghiệp đánh giá cao yếu tố tư cách đạo đức của sinh viên tuy nhiên yếu tố về kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên chưa được doanh nghiệp đánh giá cao, có 95,24% các doanh nghiệp được khảo sát đánh giá tư cách đạo đức của sinh viên ở mức tốt. Tuy nhiên, các kỹ năng ngoại ngữ,

kỹ năng nghiệp vụ và kỹ năng công nghệ thông tin được đánh giá ở mức độ trung bình. 61.9% ý kiến doanh nghiệp cho rằng, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên ở mức độ trung bình trở xuống. Như vậy, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên chưa được doanh nghiệp đánh giá cao. Doanh nghiệp khi được yêu cầu đào tạo cho sinh viên những nội dung nào thì 71,43% ý kiến doanh nghiệp cho rằng, cần nâng cao kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên khi còn học tại trường.

**Bảng 2.** Đánh giá tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên

Các yếu tố	Tốt %	Trung bình %	Yếu %	Không nhận xét %
Tư cách đạo đức	95,24	0,00	0,00	4,76
Kiến thức chuyên môn	42,86	38,10	0,00	19,05
Kỹ năng nghiệp vụ	19,05	66,67	0,00	14,29
Kỹ năng công nghệ thông tin	23,81	66,67	0,00	9,52
Kỹ năng ngoại ngữ	4,76	71,43	19,05	4,76
Kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp	38,10	57,14	4,76	0,00

(Nguồn: Lê Thị Tuyết Mai và cộng sự, 2016)

Kết quả khảo sát những kỹ năng sinh viên cần chú trọng trong Bảng 3 cho thấy 76.68% doanh nghiệp khuyên sinh viên nên chú trọng kỹ năng ngoại ngữ. 68.51% sinh viên nên chú trọng kỹ năng giao tiếp, 66,11% doanh nghiệp khuyên sinh viên cần

chú trọng nâng cao kỹ năng giải quyết vấn đề. Qua đó, doanh nghiệp mong muốn sinh viên không chỉ chú trọng kiến thức chuyên môn mà cần chú trọng rèn luyện và nâng cao các nhóm kỹ năng nhằm phục vụ cho công việc được tốt hơn và toàn diện hơn.

**Bảng 3.** Kỹ năng sinh viên cần chú trọng nâng cao

Kỹ năng	Tỉ lệ %
Kỹ năng ngoại ngữ	76,68%
Kỹ năng giao tiếp	68,51%
Kỹ năng giải quyết vấn đề	66,11%
Kỹ năng phân tích và đánh giá thông tin	53,85%
Kỹ năng lập kế hoạch	51,68%
Kỹ năng tư duy sáng tạo	44,23%
Kỹ năng quản lý	43,75%
Kỹ năng thuyết trình	40,38%
Kỹ năng làm việc nhóm	39,66%
Khác	0,96%

(Nguồn: Lê Thị Tuyết Mai và cộng sự, 2016)

#### 4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đánh giá vai trò và sự phát triển kỹ năng nghề nghiệp đối với sinh viên Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm chiếm tỉ lệ khá cao, tuy nhiên mức độ ổn định công việc chưa cao; Doanh nghiệp rất chú trọng đến việc đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên. Hầu hết các đơn vị tuyển dụng đều đào tạo thêm kiến thức cho sinh viên, trong đó hơn 71,43% là về kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp; Việc kết hợp giữa

nhà trường và doanh nghiệp để trang bị đầy đủ kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên ngay khi đang học là rất cần thiết để đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp. Kỹ năng nghề nghiệp cần được giới thiệu một cách cụ thể và hệ thống cho sinh viên thuộc tất cả các ngành đào tạo ngay từ năm học đầu tiên. Quan trọng hơn, sinh viên cần được thực hành và trải nghiệm thông qua các dự án của từng môn học, từng hoạt động ngoại khóa và trong suốt thời gian thực hành, thực tập tại doanh nghiệp.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Thực trạng thị trường lao động năm 2010 – 2014, dự báo nhu cầu nhân lực giai đoạn 2015 – 2020 đến 2025 tại Thành phố Hồ Chí Minh*.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”.
3. James W. Bovinet (2003), *Marketing Job Skills: Educator, Practioner, and Student Perceptions*, Proceeding of the Academy of Marketing Studies, 8, 1, 7-14.
4. Hoàng Thị Tuyết (2012), *Các chiến lược phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên UEF, Hội thảo huấn luyện kỹ năng và thái độ - tạo dựng hành trang vững chắc cho sinh viên vào đời*, Trường Đại học Kinh tế Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.
5. National Skills Development Act 2006, *Law of Malaysia, Act 652*.
6. Philippines Republic Act, *An Act creating the technical education and skills development authority, providing for its powers, structure and for other purposes*, Act, No.7796.
7. *Thailand Skill Development Promotion Act, B.E. 2545 (A.D. 2002)*.
8. *Worker Vocational Skills Development Act, Act No. 5474, Dec, 24, 1997, Korea*.

Ngày nhận bài: 5/7/2017. Ngày biên tập xong: 14/7/2017. Duyệt đăng: 17/7/2017